

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ninh;
- Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhật Quang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970. “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị L đã khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống

rượu, rồi về kiếm chuyện gây gổ, mặc dù đã khuyên can nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Bà và ông T vẫn ở chung nhà, nhưng không còn quan tâm và nói chuyện với nhau. Xét thấy, bà và ông T không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 09/4/1992 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 29/9/1998. Hiện tại, cháu D và cháu T1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết ông bà không có nợ chung ai.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T đã khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà L. Ông nhận thấy ông bà vẫn còn sống chung nhà, nhưng không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn đối với yêu cầu của bà Phạm Thị L.

Về con chung: Ông và bà L có hai con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 09/4/1992 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 29/9/1998. Hiện tại, cháu D và cháu T1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết ông bà không có nợ chung ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T; về con chung: đã thành niên, tự lao động nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T có địa chỉ tại huyện G, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà L và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9 và 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà L và ông T thống nhất có một con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 09/4/1992 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 29/9/1998. Anh D và anh T1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà L và ông T thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 09/4/1992 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 29/9/1998. Anh D và anh T1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0014264 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Trạch;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Danh